

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty cổ phần đầu tư và tư vấn xây dựng Sao Mai ngày 28 tháng 10 năm 2024 và hồ sơ gửi kèm;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 95/TTr-SNNMT, ngày 27 tháng 3 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Cấp phép cho Công ty cổ phần đầu tư và tư vấn xây dựng Sao Mai, địa chỉ tại số nhà 153, phố An Thái, phường Bình Hàn, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư mới phía Nam thôn Cậy, xã Long Xuyên, huyện Bình Giang với các nội dung sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án: Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới phía Nam thôn Cậy, xã Long Xuyên, huyện Bình Giang.

1.2. Địa điểm thực hiện: Xã Long Xuyên, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

1.3. Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần mã số 0800381001 do phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp, chứng nhận lần đầu ngày 15/6/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 10/6/2022. Quyết định số 1539/QĐ-UBND ngày 27/6/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về việc chấp thuận chủ trương điều chỉnh Dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư mới phía Nam thôn Cây, xã Long Xuyên, huyện Bình Giang.

1.4. Mã số thuế 0800381001.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu dân cư.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Tổng diện tích đất: 99.446,9 m², bao gồm: Đất ở 33.513,8 m² (397 lô); đất thương mại dịch vụ 1.218,3 m²; đất công cộng (nhà văn hoá) 837 m²; đất cây xanh 4.485,8 m²; đất hạ tầng kỹ thuật 3.962,3 m²; đất giao thông 55.429,7 m².

+ Diện tích đất đã được bàn giao và xây dựng hạ tầng: 95.180 m², bao gồm: Đất ở 32.158,3 m²; đất thương mại dịch vụ 1.218,3 m²; đất công cộng (nhà văn hoá) 837 m²; đất cây xanh 4.485,8 m²; đất hạ tầng kỹ thuật 3.763,1 m²; đất giao thông 52.717,5 m².

+ Diện tích đất chưa được bàn giao: 4.266,9 m²; bao gồm: Đất ở 1.355,5 m²; đất hạ tầng kỹ thuật 199,2 m²; đất giao thông 2.712,2 m².

- Nhóm dự án (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Nhóm B.

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Dân số: Khoảng 1.588 người.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty cổ phần đầu tư và tư vấn xây dựng Sao Mai:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty cổ phần đầu tư và tư vấn xây dựng Sao Mai có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải đảm bảo chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường, có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký.

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND huyện Bình Giang tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp giấy phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty cổ phần đầu tư và tư vấn xây dựng Sao Mai;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND huyện Bình Giang;
- Trung tâm CNTT&HN - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, Thành (5b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lưu Văn Bản

Phụ lục I

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 862/GPMT-UBND
ngày 31 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hộ dân.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu công cộng, khu dịch vụ thương mại.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải

- Kênh hiện có phía sau khu dân cư thôn Cậy, xã Long Xuyên, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương sau đó theo tuyến kênh chảy về hồ thu nước của tỉnh lộ 394, chảy qua cống qua đường và tiêu thoát vào kênh Cậy - Phủ tại vị trí K0+880.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Thôn Cậy, xã Long Xuyên, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.
- Tọa độ xả thải (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiều 3°): X(m)= 2311733; Y(m)= 574973.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 300 m³/ngày đêm.

2.4. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau khi xử lý được xả theo đường ống BTCT D400 độ dốc I=0,25%, dài 13m tự chảy, xả mặt, xả ven bờ vào tuyến kênh hiện có phía sau khu dân cư thôn Cậy.

2.5. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày.

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (mức A, với hệ số K = 1,0), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5-9	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ theo quy định	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	30		
3	TSS	mg/l	50		
4	TDS	mg/l	500		
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1		

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	5		
7	Nitrat (NO_3^-) (tính theo N)	mg/l	30		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	10		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5		
10	Phosphat (PO_4^{3-}) (tính theo P)	mg/l	6		
11	Tổng Coliforms	MNP/100 ml	3.000		

Ghi chú: Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2032, giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải khi xả thải ra môi trường phải đáp ứng quy định tại QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (ban hành kèm theo Thông tư số 05/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Hệ thống thu gom, xử lý và thoát nước thải riêng biệt với hệ thống thoát nước mưa, cụ thể như sau:

+ Phía Tây dự án: Các đường ống nhánh D300 tổng chiều dài khoảng 354m thu gom nước thải sinh hoạt phát sinh đã được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại tại khu công cộng (nhà văn hóa), LK05, khu dịch vụ thương mại, LK06 đầu nối vào các hố ga thuộc đường ống chính D400.

+ Phía Đông dự án: Các đường ống nhánh D300 tổng chiều dài khoảng 597m thu gom nước thải sinh hoạt phát sinh đã được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại từ LK07, LK08, LK09, LK10 đầu nối vào các hố ga thuộc đường ống chính D400.

Đường ống chính D400 dài 778m thu gom nước thải sinh hoạt sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại từ các lô theo thứ tự LK02, LK01, LK03, LK04, LK06, LK07, LK11, hướng dòng chảy từ phía Tây sang phía Đông về hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án công suất 300 m³/ngày đêm.

- Nước thải sau hệ thống xử lý được thu gom bằng đường ống BTCT D400, độ dốc $I=0,25\%$, chiều dài $L=13m$ thoát vào tuyến kênh hiện có phía sau khu dân cư thôn Cây.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hộ gia đình, khu dịch vụ thương mại, khu công cộng → Hồ thu → Bể tách dầu → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lọc màng MBR → Bể kiểm soát → Nước thải sau xử lý đạt mức A của QCVN 14:2008/BTNMT trước khi thải vào kênh phía sau khu dân cư thôn Cây, chảy về hồ thu nước của Tỉnh lộ 394, chảy qua cống qua đường và tiêu thoát vào kênh Cây - Phủ tại vị trí K0+880.

- Công suất thiết kế: $300 m^3/\text{ngày đêm}$.

- Thông số kỹ thuật của hệ thống: Hồ thu $18,38m^3$; bể tách dầu $27,7m^3$; bể điều hòa $97,7m^3$; bể thiếu khí $81,6m^3$; bể hiếu khí $137,8m^3$; bể lọc màng MBR $35,4m^2$; bể kiểm soát $14,4m^3$; bể chứa bùn $14,7m^3$; tháp xử lý khí $D \times H = 800 \times 3.000 \text{ mm}$.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: dung dịch NaOCl với khối lượng $11g/lm^3$ nước; $NaHCO_3$ với khối lượng $5g/lm^3$ và cơ chất với khối lượng $50g/lm^3$ (hoặc các hóa chất khác tương đương không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Phần A của Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt (quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hồ ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Các thiết bị chính của trạm xử lý nước thải (máy thổi khí, bơm nước, máy khuấy, máy bơm định lượng...) đều được lắp đặt ít nhất là 02 máy hoạt động luân phiên nhằm đảm bảo khi có sự cố luôn luôn còn 01 máy để hoạt động.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động, bảo dưỡng định kỳ của các máy móc, tình trạng hoạt động của các bể xử lý để có biện pháp khắc phục kịp thời khi có sự cố.

- Bố trí công nhân chịu trách nhiệm vận hành liên tục, đúng quy trình vận hành đã xây dựng; theo dõi, ghi chép và sổ nhật ký vận hành, khi phát hiện sự cố báo cáo ngay với người chủ quản để đưa ra giải pháp khắc phục kịp thời.

- Khi phát hiện sự cố của hệ thống xử lý nước thải, hệ thống van xả nước thải sẽ đóng lại và dừng việc xả nước thải ra ngoài môi trường, nước thải được lưu chứa tạm thời tại các bể trong hệ thống để tiến hành khắc phục, sửa chữa. Sau khi sửa chữa và khắc phục xong, nước thải từ các bể lưu chứa được bơm lại hồ gom để

tiếp tục quy trình xử lý. Trong thời gian khắc phục nếu các bể không còn khả năng lưu chứa, chủ dự án hợp đồng đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý nước thải cho đến khi sự cố của hệ thống xử lý nước thải được khắc phục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 20/8/2025 - 20/11/2025.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 300 m³/ngày đêm.

2.2.1. *Vị trí lấy mẫu*: 02 điểm (01 điểm tại hố thu của hệ thống xử lý nước thải và 01 điểm tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt).

2.2.2. *Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm*: Theo nội dung được cấp phép tại Phần A phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu

- Mẫu nước thải trước xử lý trong giai đoạn vận hành ổn định: 01 lần/ngày (lấy một lần, mẫu đơn).

- Mẫu nước thải sau xử lý trong giai đoạn vận hành ổn định: 01 lần/ngày (lấy 3 ngày liên tiếp, mẫu đơn).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án cho Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát.

3.3. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc chất thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải, gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của dự án.

3.5. Trong quá trình xả thải vào kênh hiện có phía sau khu dân cư thôn Cậy, nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới chất lượng nước kênh, chủ dự án phải báo cáo kịp thời về UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường.

3.6. Công ty cổ phần đầu tư và tư vấn xây dựng Sao Mai chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục II

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 862/GPMT-UBND
ngày 31 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải: 01 nguồn phát sinh khí thải (mùi) phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải

Vị trí xả khí thải nằm trong khuôn viên của hệ thống xử lý nước thải, tọa độ vị trí xả khí thải (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°30', múi chiếu 3°):

$X(m) = 2311748$; $Y(m) = 574963$.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 2.600 m³/h.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống thải, liên tục 24 giờ/ngày.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN19:2009/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải (mức B với $K_p = 1,0$; $K_v = 1,2$), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc liên tục, tự động
1	Lưu lượng	-	-	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	Amoniac (NH ₃)	mg/Nm ³	60		
3	Hydro sunphua (H ₂ S)	mg/Nm ³	9		

Ghi chú: Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2032, giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp khi xả thải ra môi trường không khí phải đáp ứng quy định tại QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (ban hành kèm theo Thông tư số 45/2024/TT-BTNMT ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh khí thải để đưa về hệ thống xử lý khí thải

Khí thải (mùi) phát sinh từ hồ thu, bể tách dầu, bể điều hòa, bể thiếu khí, bể hiếu khí, bể chứa bùn của hệ thống xử lý nước thải tập trung theo đường ống inox 304 D200mm dài $D=11$ m về hệ thống xử lý mùi trước khi xả ra môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải $\rightarrow$ Đường ống thu khí $\rightarrow$ Quạt hút $\rightarrow$ Tháp xử lý khí $\rightarrow$ Ống thải ra ngoài môi trường.

- Công suất thiết kế: $2.600 \text{ m}^3/\text{h}$.

- Thông số kỹ thuật của hệ thống: quạt hút, lưu lượng $2.600 \text{ m}^3/\text{h}$, công suất $0,75\text{kW}$, điện áp 3pha/380V/50Hz; tháp hấp thụ kích thước tháp $D \times H = 1.200 \times 2.800 \text{ mm}$, chất liệu bằng SUS 304 dày 2mm; bơm hóa chất (02 cái) lưu lượng $1,2-5,4 \text{ m}^3/\text{h}$, công suất $0,37 \text{ kW}$, điện áp 3pha/380V/50Hz.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Dung dịch NaOH (định mức sử dụng $300 \text{ kg}/\text{năm}$) sử dụng tuần hoàn (hoặc các hóa chất khác tương đương không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Phần A của Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt (quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

1.4. Biện pháp, công trình, phòng ngừa ứng phó sự cố

- Đào tạo nhân viên kỹ thuật nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý khí thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải.

- Thường xuyên thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng hệ thống xử lý khí thải bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 20/8/2025 - 20/11/2025.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý khí thải (mùi).

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Trên ống thải của hệ thống xử lý khí thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Mẫu khí thải sau xử lý trong giai đoạn vận hành ổn định: 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của công trình xử lý chất thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi, khí thải của cơ sở cho Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi, khí thải để theo dõi, giám sát.

3.3 Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

3.3 Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc bụi, khí thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi, khí thải gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi, khí thải.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để vận hành thường xuyên, hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý khí thải.

3.5. Công ty cổ phần đầu tư và tư vấn xây dựng Sao Mai chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục III
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 862/GPMT-UBND
ngày 31 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Từ hoạt động của các máy móc, thiết bị trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰30', múi chiều 3⁰.

- Nguồn số 1: X(m): 2311754; Y(m): 574967.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn QCVN 26:2010/BTNMT; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung QCVN 27:2010/BTNMT, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

TT	Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn, dBA		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	55	Không thực hiện	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	Không thực hiện	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt, kiểm tra độ ăn mòn của các chi tiết và cho dầu bôi trơn định kỳ.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng máy móc thiết bị. Định kỳ duy tu, bảo dưỡng với tần suất 06 tháng/lần.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục IV
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 862/GPMT-UBND
ngày 31 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã chất thải
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	20	16 01 06
2	Pin, ắc quy thải	Rắn	30	16 01 12
3	Các thiết bị điện, bóng đèn led	Rắn	30	16 01 13
Tổng			80	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã chất thải
1	Bùn thải từ hệ thống thu gom nước mưa, nước thải, bùn thải của hệ thống XLNT sinh hoạt	Bùn	11.551	12 06 10
2	Bao bì nhựa, nilon không nguy hại	Rắn	30	18 01 06
3	Rác thải từ đường giao thông trong khuôn viên khu dân cư	Rắn	1.000	-
Tổng			12.581	

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 573,8 tấn/năm.

1.4. Khối lượng chất thải công nghiệp phải kiểm soát

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã chất thải
1	Giẻ lau, vải bảo vệ dính nhiễm thành phần nguy hại (dầu, mỡ...)	Rắn	80	18 02 01
2	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	50	18 01 01
3	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất	Rắn	100	18 01 03

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã chất thải
	khí thải ra là CTNH) thải			
Tổng			230	

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Thùng chứa bằng nhựa đối với từng loại chất thải có dung tích 60 - 120L/thùng, có nắp đậy, được dán tên và mã chất thải nguy hại.

- Kho lưu chứa:

+ Diện tích kho chứa khoảng 5m², đặt trong khuôn viên hệ thống xử lý nước thải tập trung.

+ Thiết kế, kết cấu của kho: Kho có kết cấu thép, mái tôn, nền gạch; cửa ra vào, có rãnh thu và hố thu trong trường hợp xảy ra sự cố rò rỉ chất thải lỏng, có dán cảnh báo chất thải nguy hại, được trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy, vật liệu thấm hút, có biển cảnh báo, phòng ngừa.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung được lưu giữ trong bể chứa bùn có dung tích chứa khoảng 14,7 m³, bằng bê tông cốt thép.

- Phương tiện lưu chứa: Bố trí các thùng rác có nắp đậy, dung tích 100 - 200l/thùng đặt cố định trên các tuyến đường trong khu dân cư để thu gom cùng rác thải sinh hoạt trong khu dân cư.

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong dự án hàng ngày được các đơn vị có chức năng phù hợp thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Bố trí thiết bị, phương tiện để phân loại tại nguồn, thu gom chất thải sinh hoạt phù hợp với khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân trong khu dân cư tập trung theo quy định của pháp luật.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

Phụ lục V

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-UBND
ngày..... tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)*

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Diện tích đất chưa được bàn giao: 4.266,9 m²; bao gồm: Đất ở 1.355,5 m²; đất hạ tầng kỹ thuật 199,2 m²; đất giao thông 2.712,2 m².

Hạng mục, công trình bảo vệ môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo Quyết định số 545/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới phía Nam thôn Cậy, xã Long Xuyên, huyện Bình Giang” của Công ty cổ phần Đầu tư và Tư vấn xây dựng Sao Mai mà chủ dự án tiếp tục thực hiện theo quy hoạch sau khi được cấp Giấy phép môi trường: Xây dựng, hoàn thiện 04 hố ga thoát nước mưa, 94m/4.046m tuyến cống thu gom, thoát nước mưa; 50m đường ống cấp nước; giải phóng 2.712,2 m² đất thuộc hệ thống giao thông và đường điện di chuyển (thuộc diện tích chưa được bàn giao).

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Trường hợp có thay đổi tên dự án đầu tư hoặc chủ dự án đầu tư thì chủ dự án đầu tư có trách nhiệm tiếp tục thực hiện giấy phép môi trường và thông báo cho UBND tỉnh để được cấp đổi giấy phép.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Tuân thủ quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.